TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:74/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06/12/2023
V/v "*Tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Sơn
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Văn Phương
2. Ông Phan Anh Văn

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Công Tân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Tuyết Nhi- Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thi T, sinh năm 1987
  Trú tại: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.
  Có mặt tại phiên tòa
- Bị đơn: Anh Phạm Khoa T, sinh năm 1986
  Trú tại: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.
  Vắng tại phiên tòa
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Phạm Thị Khoa Q, sinh năm 1989; Trú tại: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện do chị Lê Thị Thi T viết ngày 04/8/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị T trình bày: Vào năm 2012 chị T và anh Phạm Khoa T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, đến năm 2020 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, lý do anh T đi ngoại tình với người phụ nữ khác về đánh đập vợ con, nhiều lần chị T có khuyên bảo nhưng anh T không nghe nên vào năm 2021 chị T đã về nhà cha, mẹ ruột ở cho đến nay, hai bên không qua lại và không sống chung với nhau. Nay chị T không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Ngọc T, sinh ngày 22/11/2013 và Phạm Ngọc Bảo T, sinh ngày 12/5/2018. Ly hôn, chị T xin nhận nuôi con hai con và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 4.000.000đ. Tại phiên tòa, chị T

thay đổi mức cấp dưỡng, chị T yêu cầu anh Tiến phải cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000đ (mỗi cháu 1.000.000đ/tháng), thời hạn cấp dưỡng từ tháng 12/2023.

Về tài chung và nợ chung: Vợ chồng chị T, anh Tiến có 08 chỉ vàng y, vàng 24K (9999), đã cho chị Phạm Thị Khoa Q mượn số vàng này. Ly hôn chị T yêu cầu chia hai, mỗi người 04 chỉ vàng y, do chị Q đã mượn 08 chỉ vàng y nên nay chị T yêu cầu chị Q phải trả lại cho chị T 04 chỉ vàng y, vàng 24K (9999), việc anh T có yêu cầu chị T trả 04 chỉ vàng y hay không thì do anh T quyết định. Ngoài ra, vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Khoa T trình bày: Vào năm 2012 anh Tiến và chị Lê Thị Thi T kết hôn với nhau, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn hay cãi vã, từ năm 2021 chị T đã bỏ về nhà cha, mẹ ruột ở, vợ chồng không còn sống chung với nhau. Nay chị T yêu cầu giải quyết ly hôn thì anh T đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Ngọc T, sinh ngày 22/11/2013 và Phạm Ngọc Bảo T, sinh ngày 12/5/2018. Ly hôn, chị T xin nhận nuôi hai con chung thì anh T đồng ý, tuy nhiên không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài chung: Vợ chồng có 08 chỉ vàng y, vàng 24K (9999), hiện số vàng này đã cho chị Phạm Thị Khoa Q mượn. Ly hôn anh Tiến thống nhất yêu cầu của chị T là chị Q phải có nghĩa vụ trả lại cho chị T 04 chỉ vàng y. Đối với 04 chỉ vàng y chị Q còn nợ anh T thì không yêu cầu Tòa giải quyết, để anh T và chị Q tự thỏa thuận với nhau. Ngoài ra, vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Khoa Q trình bày: Vào năm 2022 chị Q có mượn vợ chồng chị Phạm Thị Thi T, anh Phạm Khoa T 08 chỉ vàng y, vàng 24K (9999) để làm ăn, tuy nhiên do làm ăn thua lỗ nên chưa trả hết số vàng trên cho chị T, anh T. Nay vợ chồng chị T, anh T ly hôn chị Q đồng ý trả cho chị T, anh T mỗi người 04 chỉ vàng y, vàng 24K (9999), nhưng xin chị T cho trả nợ dần, còn việc trả 04 chỉ vàng cho anh T thì chị Q và anh T tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Toà án nhân dân huyện Phú Hoà tiến hành mở phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nêu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, cho chị Lê Thị Thi T được ly hôn với anh Phạm Khoa T; Về con chung: Giao 02 con chung là Phạm Ngọc T, sinh ngày 22/11/2013 và Phạm Ngọc Bảo T, sinh ngày 12/5/2018 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.000.000đ (mỗi cháu 1.000.000đ/tháng), thời hạn cấp dưỡng từ tháng 12/2023. Về tài sản chung và nợ chung: Buộc chị Phạm Thị Khoa Q phải trả cho chị Lê Thị Thi T 04 chỉ vàng y, vàng 24K (9999). Anh T không yêu cầu chị Q phải trả lại 04 chỉ vàng vàng y, vàng 24K (9999) nên đề nghị Tòa không xét. Về án phí các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Phạm Khoa T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Khoa Q đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên Toà nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[**2] Về quan hệ hôn nhân**: Chị Lê Thị Thi T và anh Phạm Khoa T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Phú Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2012 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, lý do vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, hơn nữa đã không sống chung với nhau hơn hai năm nay. Bị đơn anh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời trình bày tại hồ sơ vụ án, thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, việc chị T xin ly hôn anh T đồng ý. Xét thấy, hôn nhân giữa chị T và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho chị T được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Ngọc T, sinh ngày 22/11/2013 và Phạm Ngọc Bảo T, sinh ngày 12/5/2018 . Tại phiên tòa, chị T xin nhận nuôi hai con chung, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Tiến đồng ý giao hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện nay các con còn nhỏ và đang ở với chị T, đối với cháu T có nguyện vọng ở với mẹ, do đó để đảm bảo sự ổn định như lâu nay và sự phát triển về mặt thể chất và tinh thần, cần có sự chăm sóc của mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của chị T, giao cháu T và cháu Tiên cho chị Thu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

[4]Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị Thi Thu yêu cầu anh Phạm Ngọc Tiến phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung Phạm Ngọc Thiên và Phạm Ngọc Bảo T mỗi tháng 2.000.000đ (mỗi cháu 1.000.000đ/tháng), thời hạn cấp dưỡng từ tháng 12/2023. Xét thấy, anh T có khả năng lao động và có thu nhập, chị T yêu cầu mức cấp dưỡng nêu trên là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[**5] Về tài sản chung và nợ chung**: Chị Lê Thị Thi T và anh Phạm Khoa T thống nhất vợ chồng có tài sản chung là 08 chỉ vàng y, vàng 24K (9999), hiện nay số vàng trên đã cho chị Phạm Thị Khoa Q mượn. Tại phiên tòa, chị T yêu cầu chị Q phải có nghĩa vụ trả lại cho chị T 04 chỉ vàng y. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Quyến thừa nhận có nợ chị T và anh T 08 chỉ vàng y, nay chị T và anh T ly hôn chị Q đồng ý trả cho chị T 04 chỉ vàng y nhưng chị Q xin trả nợ dần. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, buộc chị Q phải có nghĩa vụ trả lại cho chị T 04 chỉ vàng y, vàng 24K (9999). Đối với bị đơn anh Phạm Khoa T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có lời trình bày không yêu cầu Tòa giải quyết buộc chị Q phải trả lại 04 chỉ vàng y, vàng 24K (9999) nên Hội đồng xét xử không xét.

[6]Về thời hạn trả nợ: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Thi T yêu cầu chị Phạm Thị Khoa Q phải trả ngay số vàng nêu trên. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Q có lời trình bày xin trả nợ dần. Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác" nên không chấp nhận yêu cầu trả nợ dần của chị Quyến.

[7] Về án phí: Chị Lê Thị Thi T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí HNGĐ-ST. Anh Phạm Khoa T phải chịu 300.000đ án phí DSST (phần cấp dưỡng

nuôi con). Chị Phạm Thị Khoa Q phải chịu 1.200.000đ án phí DSST (giá ngạch 04 chỉ vàng y, vàng 24K (9999) x 6.000.000đ/chỉ = 24.000.000đ x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 463, 466 và 468 Bộ Luật dân sự.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, cho chị Lê Thị Thi T được ly hôn với anh Phạm Khoa T.

Về con chung: Giao hai con chung Phạm Ngọc T, sinh ngày 22/11/2013 và Phạm Ngọc Bảo T, sinh ngày 12/5/2018 cho chị Lê Thị Thi T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Khoa T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung Phạm Ngọc T và Phạm Ngọc Bảo T mỗi tháng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) (mỗi cháu 1.000.000đ/tháng), thời hạn cấp dưỡng từ tháng 12/2023 cho đến khi phát sinh một trong các trường hợp quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Buộc chị Nguyễn Thị Khoa Q có nghĩa vụ trả lại cho chị Lê Thị Thi T 04 (bốn) chỉ vàng y, vàng 24K (9999) *(phần nghĩa vụ trả nợ đối với tài sản chung của vợ chồng chị T và anh T trong thời kỳ hôn nhân).*

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí Tòa án.

Chị Lê Thị Thi T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí HNGĐ-ST. Chị T đã nộp đủ 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010144 ngày 10 tháng 10 năm 2023 của cơ quan Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phú Hòa, Phú Yên.

Anh Phạm Khoa T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí DSST *(phần cấp dưỡng nuôi con)*.

Chị Phạm Thị Khoa Q phải chịu 1.200.000đ *(Một triệu hai trăm nghìn đồng)* án phí DSST *(phần nghĩa vụ trả nợ)*.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H.P;
- CCTHADS H P;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- UBND xã H, h P;
  Số 197, ngày 19/12/2012
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Thúy Sơn